

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/DS - PT

Ngày 12 - 3 - 2025

V/v “Tranh chấp quyền
sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Dung

Bà Lê Thị Phương Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Hồng Minh – Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2024/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Ông Lê Công M – Sinh năm: 1957, có mặt.

Địa chỉ: TDP V, phường X, thị xã N, Thanh Hóa.

2. Ông Lê Công Đ – Sinh năm: 1963, có mặt.

Địa chỉ: TDP H, phường H, thị xã N, Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Lê Công N – Sinh năm: 1975, có mặt.

Chị Phạm Thị Như N1 – Sinh năm: 1983, vắng mặt.

Địa chỉ: TDP H, phường H, thị xã N, Thanh Hóa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị H – Sinh năm: 1952, vắng mặt.

Địa chỉ: TDP T, phường H, thị xã N, Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Lê Công M.

2. Ông Lê Công L – Sinh năm: 1967, vắng mặt.

3. Ông Lê Công Đ1 – Sinh năm: 1954, vắng mặt.

4. Bà Mai Thị H1 – Sinh năm: 1947, vắng mặt.

5. Chị Lê Thị H2 – Sinh năm: 1983, vắng mặt.

Đều có địa chỉ: TDP H, phường H, thị xã N, Thanh Hóa.

6. Lê Thị S – Sinh năm: 1972, vắng mặt.

Địa chỉ: TDP T, phường T, thị xã N, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 11/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

Bố mẹ tôi là ông Lê Công B và bà Lê Thị T sinh được 06 người con, anh đầu đã hi sinh khi chưa có gia đình còn lại 05 anh em gồm ông Lê Công S1 (còn có tên gọi là Lê Công S2), chị Lê Thị H, anh Lê Công Đ1, tôi là Lê Công M và ông Lê Công Đ. Khi bố mẹ tôi còn sống, có tạo dựng được 01 diện tích đất 5467m² gồm những thửa đất sau: Thửa 417 có diện tích 1427m², thửa 116 có diện tích 936 m², thửa 114 có diện tích 2580m², thửa 102 có diện tích 424 m² tại tờ bản đồ số 12 bản đồ đo vẽ năm 2006 có địa chỉ tại TDP H, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa. Khi còn sống bố mẹ tôi đã phân chia đất cho các anh em tôi, cụ thể như sau:

- Thửa 417 cho anh Lê Công Đ1, cho vào năm 1982 hiện nay đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thửa 116 cho tôi là Lê Công M cho năm 1985 hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã đứng tên trên bản đồ địa chính năm 1993.

- Thửa 114 khi bố mẹ tôi còn sống đã cho anh Lê Công S2 và em trai tôi là Lê Công Đ phần diện tích đất của anh S2 thì nhiều hơn phần diện tích đất của em Đ.

- Thửa 102: Khi bố mẹ tôi còn sống thì có để cho chị H nhưng chị H không lấy nên bố mẹ tôi quyết định để lại để xây lăng mộ của gia đình.

Bố tôi mất năm 2002, mẹ tôi mất năm 2004 sau khi bố mẹ tôi qua đời thì anh em chúng tôi không xảy ra mâu thuẫn tranh chấp gì. Năm anh em chúng tôi đã lập biên bản họp gia đình về việc phân chia tài sản do bố mẹ để lại cho các con có xác nhận của trưởng thôn và công an xã H vào ngày 01/8/2006.

Tháng 6/2022 thì con trai của anh Lê Công S1 là anh Lê Công N thuê máy ủi về phá dỡ một mảng bờ tường khu lăng mộ của gia đình. Chúng tôi đã ngăn cản và làm đơn lên công an xã, chính quyền địa phương giải quyết nhưng không được. Diện tích phá dỡ và lấn chiếm khoảng 50 m² tại thửa 102 tờ bản đồ số 12 bản đồ đo vẽ năm 2006. Nay tôi đề nghị anh N khôi phục nguyên trạng phá dỡ tường và trả lại đất cho khu lăng mộ, tài sản anh N phá dỡ có giá trị 817.000đồng.

** Bị đơn là ông Lê Công N trình bày:*

Về nguồn gốc diện tích đất hiện nay anh đang sử dụng là của ông bà nội anh (ông Lê Công B và bà Lê Thị T) cho bố mẹ anh nhưng khi cho không có giấy tờ gì, đối với hai thửa đất trong đó có thửa đất anh và anh trai anh đang ở còn một thửa là khu lăng mộ thể hiện trên bản đồ địa chính đo vẽ năm 2006 tên chủ sử dụng đất là Lê Công S1, nhưng thửa đất này bố anh đứng tên do phong tục tập quán còn người có quyền sử dụng hợp pháp là đất của ông bà nội anh. Khi ông bà nội anh còn sống thì có xây bờ rào ngăn cách khu lăng mộ, hiện trạng có một

cổng đi vào khu lăng mộ và một lối đi ra cánh đồng rọc lách có chiều rộng khoảng 2m được rào bằng tre, do ít người đi lại mà trâu bò hay đi qua gây ảnh hưởng đến khu lăng mộ nên lối đi đã được rào lại. Năm 2018, anh về ở và xây tường bao quanh đất. Năm 2022, anh có xây bờ rào ngăn cách đường đi với khu lăng mộ để đi thẳng ra đồng rọc lách. Trước khi anh xây thì anh có nói với ông Lê Công Đ1 còn ông M, ông Đ và bà H anh không nói gì về việc xây tường rào ngăn cách. Việc anh xây tường rào là do trước đó đã có con đường này, mục đích là ngăn cách đường với khu lăng mộ và mở rộng con đường để lấy đường đi ra cánh đồng rọc lách vì vậy anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M và ông Đ.

** Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:*

- Bà Lê Thị H trình bày: Về nguồn gốc thửa đất như ông M trình bày là đúng. Phần đất hiện tại xây dựng khu lăng mộ là đất khi còn sống đã chia cho bà nhưng do bà không có ý định sử dụng nên bố mẹ bà đã quyết định sử dụng xây lăng mộ vì vậy bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông M và ông Đ yêu cầu cháu N phải trả lại nguyên vẹn khu lăng mộ.

- Chị Lê Thị H2 trình bày: Chị là con gái của ông Lê Công S1. Về nguồn gốc đất là của ông bà nội chị cho bố chị là ông Lê Công S1 vào năm 1993. Khi bố chị còn sống không xảy ra tranh chấp gì, sau khi bố chị mất năm 2022 thì anh trai là Lê Công N có xây một bờ tường để ngăn cách với khu lăng mộ với khu đất trồng cây của gia đình. Con đường này đã có từ trước, sau này không ai sử dụng đến nay anh trai chị xây bờ tường mở rộng lối đi để lấy đường đi ra cánh đồng rọc lách. Anh em chị không tranh chấp đất, việc xây bờ tường là xây trên đất của bố chị đã được ông bà nội cho. Nay ông Đ và ông M làm đơn khởi kiện quan điểm của chị là không đồng ý vì con đường này đã có từ thời ông bà nội chị đang còn sống và không tranh chấp đất với ai. Chị không đồng ý phá dỡ bức tường mà anh trai chị đã xây dựng. Chị thừa nhận khi còn sống ông bà đã xây tường rào xung quanh khu lăng mộ và bố chị là người trực tiếp xây.

- Đối với chị Phạm Thị Như N1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành theo triệu tập của Tòa án vì vậy Tòa án không thể thu thập được quan điểm của những người trên.

- Tiến hành thu thập về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp: Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã N đã có công văn số 138/CNVPĐKĐĐTĐTXNS, ngày 30/9/2024 xác định: Diện tích đất đang tranh chấp có diện tích 50m² thuộc thửa số 102, tờ bản đồ số 12, bản đồ địa chính đo vẽ năm 2006, mang tên ông Lê Công S1, tại TDP H, phường H, TX. N, Thanh Hóa, được ghi trong sổ mục kê năm 1993, là thửa số 840, tờ bản đồ số 01, diện tích 946m² mang tên ông Lê Công B. Hiện tại thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

- Xác minh tại chính quyền địa phương xác định: Diện tích đất trên là di sản thừa kế của ông Lê Công B để lại, khi ông B chết thì mang tên ông Lê Công S1 nhưng chưa được phân chia di sản thừa kế theo quy định. Khu lăng mộ được xây dựng từ thời ông B và bà T đang còn sống.

- Tiến hành thẩm định, đo vẽ và định giá ngày 07/6/2024 xác định: Diện tích đất tranh chấp được xác định là 45,9m² đất CLN giá 27.000đ/m²; 45,9m² đất CLN trị giá 1.239.300 đồng; vị trí cụ thể như sau: Phía Tây bắc giáp đường giao thông có chiều rộng 3m02cm; Phía Tây nam giáp thửa đất số 115 có chiều dài 6m58cm+7m66cm+1m48cm; Phía Đông bắc giáp thửa 102 có chiều dài: 8m68cm + 1m86cm + 4m51cm + 2m69cm; Phía Đông nam giáp thửa 114 có chiều rộng: 1m48cm+2m57cm.

Tổng giá trị tường rào có chiều dài 18,38m, trị giá 2.667.000 đồng.

Một cây khế trị giá 250.000 đồng.

Xác định giá trị đất và tài sản đang tranh chấp là: 4.156.300 đồng.

*** Tại Bản án số 16/2024/DS-ST ngày 20/11/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn đã quyết định:**

Căn cứ: Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 271 BLTTDS; Điều 158, khoản 2 Điều 164 BLDS năm 2015; Căn cứ Điều 100, khoản 7 Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm a tiểu mục 1.3 khoản 1 mục II phần A của danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Công M và ông Lê Công Đ.

Xác định diện tích 45,9m², loại đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 12 bản đồ đo vẽ năm 2006, thuộc quyền sử dụng đất của cụ Lê Công B và Lê Thị T nên buộc anh Lê Công N phải trả lại 45,9m² đất anh tự lấn chiếm và xây dựng làm ngõ đi riêng của gia đình anh cụ thể như sau: Phía Tây bắc giáp đường giao thông có chiều rộng 3,02cm; Phía Tây nam giáp thửa đất số 115 có chiều dài 6m58cm+7m66cm+1m48cm; Phía Đông bắc giáp thửa 102 có chiều dài: 8m68cm + 1m86cm + 4m51cm + 2m69cm; Phía Đông nam giáp thửa 114 có chiều rộng: 1m48cm+2m57cm (có sơ đồ kèm theo bản án).

- Buộc anh Lê Công N phải bồi thường cho ông M và ông Đ số tiền 817.200 đồng. Ông M và ông Đ có trách nhiệm xây dựng lại tường rào bị anh N phá dỡ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Trong các ngày 03, 09/12/2024, bị đơn là ông Lê Công N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị H2, ông Lê Công L và bà Mai Thị H1 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại vụ án, không yêu cầu ông Lê Công N phải bồi thường số tiền 817.200 đồng cho ông Lê Công M và ông Lê Công Đ.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn kháng cáo không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa: Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm tuân theo quy định của BLTTDS. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến của đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn là ông Lê Công N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị H2, ông Lê Công L và bà Mai Thị H1 kháng cáo trong thời hạn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị H2, ông Lê Công L và bà Mai Thị H1 kháng cáo, được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị H2, ông Lê Công L và bà Mai Thị H1.

- Xác định tư cách đương sự: Tại đơn khởi kiện ngày 11/12/2023, nguyên đơn là ông Lê Công M và ông Lê Công Đ xác định bị đơn là anh Lê Công N và chị Phạm Thị Như N1. Tuy nhiên, theo Bản án sơ thẩm xác định chị N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ngày 19/02/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá nhận được Đơn đề nghị của nguyên đơn đề nghị thay đổi tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án; theo đó nguyên đơn đề nghị xác định chị N1 là bị đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 68 của BLTTDS, HĐXX xác định lại tư cách đương sự xác định chị N1 là bị đơn trong vụ án là phù hợp.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn là anh Lê Công N:

- Về nguồn gốc đất: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận: Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp là của cụ Lê Công B và cụ Lê Thị T. Khi hai cụ còn sống, hai cụ đã sử dụng diện tích đất thuộc thửa 102, tờ bản đồ số 12 bản đồ đo vẽ năm 2006 là khu lăng mộ, mồ mả của gia đình, xung quanh khu lăng mộ đã xây dựng tường rào xung quanh. Để vào khu lăng mộ chỉ có một lối đi và có lắp cánh cổng sắt để đi vào. Sau khi hai cụ mất thì các con của hai cụ đã tự phân chia toàn bộ di sản thừa kế của hai cụ làm 6 mảnh đất. Đối với mảnh đất số 1 được xác định là đất của khu lăng mộ, nơi lưu giữ phần mộ của bố mẹ và anh em sau này được giao cho ông Lê Công Đ đứng tên. Ngoài ra còn phân chia các diện tích đất còn lại. Vì vậy xác định diện tích đất thuộc thửa 102 tờ bản đồ số 12 bản đồ đo vẽ năm 2006 có tổng diện tích đất là 387,2m²; xung quanh đã được xây dựng bao tường rào từ thời ông Lê Công B còn sống.

Theo công văn trả lời của Chi nhánh VPĐKQSD đất thị xã N cũng xác định thửa đất trên có nguồn gốc của ông Lê Công B và bà Lê Thị T. Đến thời

điểm hiện nay đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện thửa đất hiện đang xảy ra tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của cụ Lê Công B và Lê Thị T, hiện thửa đất trên chưa được chia thừa kế cho ai.

Các đương sự đều thừa nhận khi còn sống hai cụ B và T đã xây bờ tường bao quanh khu nghĩa trang này, chỉ có một cánh cổng đi vào duy nhất điều này khẳng định ý chí của các cụ chỉ sử dụng diện tích đất này làm khu lăng mộ, chôn cất phần mộ của các cụ và của các con. Anh N và chị H2 đều khai trước đó có một lối đi nhưng do ít người đi qua, trâu bò đi qua gây bất tiện trong cuộc sống nên hai cụ đã rào lối đi này và xây tường xung quanh không cho ai đi vào. Điều này chứng tỏ ý chí của cụ B và cụ T không muốn mở lối đi này.

Việc anh N tự ý phá bỏ bờ tường cũ, xây lấn chiếm vào phần đất của khu nghĩa trang 45,9m² để làm ngõ đi riêng cho gia đình mình không được sự đồng ý của các hàng thừa kế của cụ B và cụ T là không đúng vì đây không phải đất thuộc quyền sử dụng của anh N. Anh N thừa nhận trong việc phá dỡ tường rào, mở rộng ngõ đi chỉ có anh làm, vợ anh là chị Phạm Thị Như N1 không biết và không liên quan đến việc này. Anh N cam kết chịu trách nhiệm một mình. Nên HĐXX sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M và ông Đ, buộc anh N phải chấm dứt hành vi lấn chiếm trái phép đất của cụ B và cụ T và buộc anh N phải trả 817.200đ cho nguyên đơn để xây dựng khôi phục lại nguyên trạng cho khu nghĩa trang này là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Lê Công N; giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn anh Lê Công N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Sung quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Lê Thị H2, ông Lê Công L và bà Mai Thị H1 đã nộp. Căn cứ khoản 1 Điều 29; khoản 2 Điều 18 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308; Điều 309; Điều 312; Khoản 1 Điều 148 BLTTDS.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm với yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị H2, ông Lê Công L và bà Mai Thị H1.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là anh Lê Công N. Giữ nguyên quyết định bản án Dân sự sơ thẩm số 16/2024/DS-ST ngày 20/11/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Sửa phần xác định tư cách đương sự, xác định chị Phạm Thị Như N1 là bị đơn.

Căn cứ: Điều 158, khoản 2 Điều 164 BLDS năm 2015; Căn cứ Điều 100, khoản 7 Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013. Khoản 1 Điều 29; khoản 2 Điều

18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm a tiểu mục 1.3 khoản 1 mục II phần A của danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Công M và Lê Công Đ.

Xác định diện tích 45,9m², loại đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 12 bản đồ đo vẽ năm 2006, thuộc quyền sử dụng đất của cụ Lê Công B và cụ Lê Thị T. Buộc anh Lê Công N phải trả lại 45,9m² đất anh tự lấn chiếm và xây dựng làm ngõ đi riêng của gia đình anh cụ thể như sau: Phía Tây bắc giáp đường giao thông có chiều rộng 3,02m; Phía Tây nam giáp thửa đất số 115 có chiều dài 6m58cm+7m66cm+1m48cm; Phía Đông bắc giáp thửa 102 có chiều dài: 8m68cm + 1m86cm + 4m51cm + 2m69cm; Phía Đông nam giáp thửa 114 có chiều rộng: 1m48cm+2m57cm (có sơ đồ kèm theo bản án).

- Buộc anh Lê Công N phải bồi thường cho ông M và ông Đ số tiền 817.200 đồng. Ông M và ông Đ có trách nhiệm xây dựng lại tường rào bị anh N phá dỡ.

2. Về án phí: Ông Lê Công N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu số 0003046 ngày 10/12/2024 của Chi cục THADS thị xã N, tỉnh Thanh Hóa. Sung quỹ Nhà nước 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H2 đã nộp theo biên lai thu số 0003048 ngày 10/12/2024 của Chi cục THADS thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp theo biên lai thu số 0003047 ngày 10/12/2024 của Chi cục THADS thị xã N, tỉnh Thanh Hóa; 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H1 đã nộp theo biên lai thu số 0003045 ngày 10/12/2024 của Chi cục THADS thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- TAND, VKSND TX Nghi Sơn;
- Chi cục THADS TX Nghi Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN
TỌA PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ

L1

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN
TỌA PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN - CHỦ

Lê Thị Dung Mai Đình T1

Lê Thị T2

